



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 3700381324 ngày 8 tháng 8 năm 2001
Đăng ký Doanh nghiệp

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 12 tháng 6 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí Ông Lý Văn Xuân Ông Nguyễn Văn Luân Ông Đinh Viết Duy	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Quốc Trí Ông Hoàng Đức Huy Ông Vũ Văn Thanh Ông Hồ Thanh Hiếu Ông Trần Quốc Phẩm Ông Nguyễn Ngọc Huy Ông Trần Thành Nam Ông Nguyễn Tấn Hòa	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Quyền Phó Tổng Giám đốc Quyền Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 9, Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 5 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00192-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.701.349.357.258	10.370.267.877.634
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	578.529.483.988	480.196.944.895
Tiền	111		577.779.483.988	479.446.944.895
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	17(a)	5.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.205.864.281.361	6.205.820.116.418
Phải thu của khách hàng	131	8(a)	6.994.556.311.121	5.212.742.658.223
Trả trước cho người bán	132	9	72.262.141.590	53.025.112.185
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	161.468.534.429	962.629.374.510
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8(c)	(22.422.705.779)	(22.577.028.500)
Hàng tồn kho	140	11	5.209.777.241.270	2.997.049.481.888
Hàng tồn kho	141		5.240.049.242.357	3.021.587.347.164
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.272.001.087)	(24.537.865.276)
Tài sản ngắn hạn khác	150		702.178.350.639	687.201.334.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	102.078.453.857	103.293.368.807
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		599.489.764.370	583.904.965.626
Thuế phải thu Nhà nước	153	22(b)	610.132.412	3.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.822.337.464.111	4.925.206.543.486
Các khoản phải thu dài hạn	210		168.320.229.000	394.880.535.357
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	-	212.856.006.357
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	168.320.229.000	182.024.529.000
Tài sản cố định	220		1.226.449.142.561	1.364.003.049.395
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.033.957.147.267	1.147.463.568.504
Nguyên giá	222		3.424.626.006.459	3.392.265.713.774
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.390.668.859.192)	(2.244.802.145.270)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	-	18.551.181.042
Nguyên giá	225		-	22.949.448.333
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(4.398.267.291)
Tài sản cố định vô hình	227	15	192.491.995.294	197.988.299.849
Nguyên giá	228		248.569.747.599	248.569.747.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.077.752.305)	(50.581.447.750)
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.136.977.956	5.338.412.183
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	24.136.977.956	5.338.412.183
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.321.270.617.307	3.072.965.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	17(b)	3.305.270.617.307	3.051.965.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	17(a)	16.000.000.000	21.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		82.160.497.287	88.019.546.551
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	31.272.434.085	48.265.344.770
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	50.888.063.202	39.754.201.781
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.523.686.821.369	15.295.474.421.120

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)


Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.888.210.839.798	8.270.877.246.022
Nợ ngắn hạn	310		10.874.672.795.132	8.243.532.836.931
Phải trả người bán	311	20	5.110.838.266.259	2.023.915.668.822
Người mua trả tiền trước	312	21	300.541.675.389	188.998.683.777
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22(a)	223.897.292.444	206.566.674.152
Phải trả người lao động	314		50.976.551.799	53.486.276.555
Chi phí phải trả	315	23	139.466.550.755	317.943.257.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	804.063.158.632	326.075.538.521
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a)	4.159.331.722.558	5.083.484.041.845
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	85.557.577.296	43.062.695.661
Nợ dài hạn	330		13.538.044.666	27.344.409.091
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	-	17.017.564.425
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	12.828.544.666	9.617.344.666
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.635.475.981.571	7.024.597.175.098
Vốn chủ sở hữu	410	28	7.635.475.981.571	7.024.597.175.098
Vốn cổ phần	411	29	4.446.252.130.000	4.446.252.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.446.252.130.000	4.446.252.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(3.271.000.000)	(3.271.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		30.218.596.725	35.535.781.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.010.693.071.325	2.394.497.079.753
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		2.268.887.028.455	1.318.911.980.318
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		741.806.042.870	1.075.585.099.435
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.523.686.821.369	15.295.474.421.120

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập

Người duyệt


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	34.522.050.890.800	21.013.944.576.347
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	56.063.311.189	15.259.765.523
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	34.465.987.579.611	20.998.684.810.824
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	32.357.385.438.508	19.622.652.367.710
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.108.602.141.103	1.376.032.443.114
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	86.977.509.149	33.941.865.345
Chi phí tài chính	22	34	140.034.444.880	239.022.817.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		70.248.310.258	155.669.111.066
Chi phí bán hàng	25	35	1.075.666.152.128	800.883.271.882
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	107.599.703.162	163.213.125.187
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		872.279.350.082	206.855.094.170
Thu nhập khác	31	37	4.959.323.940	11.845.895.193
Chi phí khác	32	38	106.402.837	6.077.916.086
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.852.921.103	5.767.979.107
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		877.132.271.185	212.623.073.277
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	146.460.089.736	65.947.756.590
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(11.133.861.421)	(12.708.462.309)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		741.806.042.870	159.383.778.996

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyên
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		877.132.271.185	212.623.073.277
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		151.945.156.441	177.008.011.516
Các khoản dự phòng	03		8.791.013.090	8.548.256.496
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.789.789.027)	21.035.611.575
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(9.740.044.383)	(7.769.466.926)
Chi phí lãi vay	06		70.248.310.258	155.669.111.066
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.092.586.917.564	567.114.597.004
Biến động các khoản phải thu	09		(1.799.498.216.779)	(563.466.614.295)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.218.461.895.193)	(407.072.078.892)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.242.861.550.085	1.239.521.309.239
Biến động chi phí trả trước	12		17.878.073.614	29.936.537.872
			1.335.366.429.291	866.033.750.928
Tiền lãi vay đã trả	14		(69.419.268.494)	(154.056.592.799)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(132.051.410.259)	(27.279.751.381)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(49.298.354.762)	(8.437.081.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.084.597.395.776	676.260.325.492
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(27.804.749.209)	(6.593.066.211)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.075.059.578	1.193.179.386
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(33.326.172.142)	(105.499.989.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		5.000.000.000	75.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(1.500.000.000)	(28.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.845.364.958	3.421.381.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.710.496.815)	(60.478.494.571)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(262.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		15.157.894.623.261	8.827.118.679.911
Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.099.647.735.735)	(9.346.176.305.957)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.027.814.809)	(10.467.183.280)
Tiền trả cổ tức	36		(170.543.600)	(22.299.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(951.951.470.883)	(529.809.108.426)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		77.935.428.078	85.972.722.495
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		480.196.944.895	222.264.128.540
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		20.397.111.015	7.965.039.699
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	578.529.483.988	316.201.890.734

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có 10 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2020: 10 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 17(b).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có 5.319 nhân viên (1/10/2020: 4.915 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iii) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và các sản phẩm liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 1 tháng 10 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 31 tháng 3 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021			
Doanh thu	24.407.960.173.205	10.058.027.406.406	34.465.987.579.611
Giá vốn	(23.096.250.964.571)	(9.261.134.473.937)	(32.357.385.438.508)
	1.311.709.208.634	796.892.932.469	2.108.602.141.103
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020			
Doanh thu	17.052.645.929.344	3.946.038.881.480	20.998.684.810.824
Giá vốn	(15.834.432.099.779)	(3.788.220.267.931)	(19.622.652.367.710)
	1.218.213.829.565	157.818.613.549	1.376.032.443.114

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Tiền mặt	12.858.085.275	37.746.780.451
Tiền gửi ngân hàng	564.389.796.215	441.692.185.884
Tiền đang chuyển	531.602.498	7.978.560
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	750.000.000
	578.529.483.988	480.196.944.895

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là từ 3,5% đến 4,0% (1/10/2020: 3,5% đến 4,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.555.185.730.947	1.422.755.855.210
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.336.862.962.391	649.390.077.771
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	914.180.501.045	609.698.769.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	571.384.145.379	606.455.682.416
Các khách hàng khác	2.616.942.971.359	1.924.442.273.354
	<hr/>	<hr/>
	6.994.556.311.121	5.212.742.658.223

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2020: 570.000 triệu VND phải thu và 2.300.000 triệu VND phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.555.185.730.947	1.422.755.855.210
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.336.862.962.391	649.390.077.771
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	914.180.501.045	609.698.769.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	571.384.145.379	606.455.682.416
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	285.908.576.028	314.686.249.805
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	17.726.280	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	36.010.152.572
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	128.158.717.180	34.749.020

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/3/2021				1/10/2020			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	2 – 3 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 1 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	1 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Trên 1 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sân Xuát Và Thương Mại Phúc Đức	1 – 2 năm	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-	Trên 6 tháng	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Công ty Thương Mại, Dịch Vụ Và Xây Dựng Yên Mai (TNHH)	Trên 6 tháng	-	-	-	Trên 6 tháng	839.518.227	(839.518.227)	-
Công ty TNHH Thương Mại & Sân Xuất Toàn Phát HN	1 – 2 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-	6 tháng – 1 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-
Các khách hàng khác		14.439.553.175	(14.439.553.175)	-		13.754.357.669	(13.754.357.669)	-
		22.422.705.779	(22.422.705.779)	-		22.577.028.500	(22.577.028.500)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	22.577.028.500	8.634.346.424
Dự phòng trích lập trong kỳ	5.727.000	7.434.093.955
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(160.049.721)	(423.309.760)
Số dư cuối kỳ	22.422.705.779	15.645.130.619

9. Trả trước cho người bán

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	4.995.423.582
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	262.396.354	469.909.029
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	252.596.525	-
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Posco Việt Nam	16.148.143.265	-
Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Vũng tàu	8.942.912.964	11.105.788.618
Chi Nhánh Công Ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	10.183.555	21.469.960.714
Các nhà cung cấp khác	46.645.908.927	14.984.030.242
	72.262.141.590	53.025.112.185

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	795.208.077.723
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	39.907.593.051	41.550.758.590
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	14.446.000.000	17.516.531.729
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	39.036.545.800	41.728.445.800
Phải thu khác	9.797.395.578	8.344.560.668
	161.468.534.429	962.629.374.510

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	37.450.000	27.450.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	21.340.000	232.711.670.069
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	-	514.874.175.062
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	35.488.493.426
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	-	15.011.988.771
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	12.308.639.166
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	-	2.504.542.958
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen (*)	8.667.600.000	2.059.900.000
Nhân sự chủ chốt		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc (**)	45.462.225.000	45.462.225.000

(*) Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, chịu lãi suất 4% và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(**) Khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	168.320.229.000	181.758.529.000
Phải thu khác	-	266.000.000
	168.320.229.000	182.024.529.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/3/2021		1/10/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.780.780.213.870	-	1.074.363.397.517	-
Nguyên vật liệu	1.296.690.663.333	(3.315.745.546)	262.088.540.692	(12.427.170.038)
Công cụ và dụng cụ	157.859.561.277	-	160.536.427.953	-
Thành phẩm	903.127.792.199	(9.901.035.351)	683.530.539.971	(10.057.583.911)
Hàng hóa	1.101.591.011.678	(17.055.220.190)	841.068.441.031	(2.053.111.327)
	5.240.049.242.357	(30.272.001.087)	3.021.587.347.164	(24.537.865.276)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.217.392 triệu VND (1/10/2020: 1.478.039 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 có 163.082 triệu VND nguyên vật liệu, 85.862 triệu VND thành phẩm và 97.737 triệu VND hàng hóa (1/10/2020: 61.472 triệu VND nguyên vật liệu, 116.340 triệu VND thành phẩm và 42.337 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Số dư đầu kỳ	24.537.865.276	30.286.414.827
Dự phòng trích lập trong kỳ	5.734.135.811	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(13.190.008.415)
Số dư cuối kỳ	30.272.001.087	17.096.406.412

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con (*)	-	167.286.721.457
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – công ty con (**)	-	45.569.284.900
	-	212.856.006.357

(*) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% tại ngày 1 tháng 10 năm 2020.

(**) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% tại ngày 1 tháng 10 năm 2020.

Trong kỳ, Công ty đã chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn thành khoản đầu tư vào 2 công ty con là Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long với giá trị lần lượt là 176.187 triệu VND và 64.995 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	484.406.352.732	2.523.902.329.811	286.843.639.080	76.375.572.729	20.737.819.422	3.392.265.713.774
Tăng trong kỳ	-	12.277.718.005	1.207.586.364	-	-	13.485.304.369
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	682.726.246	-	-	-	682.726.246
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	13.389.448.333	9.560.000.000	-	-	22.949.448.333
Phân loại từ chi phí trả trước	-	956.506.224	-	-	-	956.506.224
Thanh lý	-	(1.860.820.420)	(2.128.712.500)	-	-	(3.989.532.920)
Xóa sổ	-	(1.724.159.567)	-	-	-	(1.724.159.567)
Số dư cuối kỳ	484.406.352.732	2.547.623.748.632	295.482.512.944	76.375.572.729	20.737.819.422	3.424.626.006.459
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	278.882.994.848	1.738.186.050.970	172.098.126.466	36.296.971.627	19.338.001.359	2.244.802.145.270
Khấu hao trong kỳ	11.058.457.771	112.442.659.724	17.031.786.599	4.707.885.390	144.045.983	145.384.835.467
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	3.149.966.649	2.312.317.061	-	-	5.462.283.710
Thanh lý	-	(1.412.041.503)	(1.844.204.185)	-	-	(3.256.245.688)
Xóa sổ	-	(1.724.159.567)	-	-	-	(1.724.159.567)
Số dư cuối kỳ	289.941.452.619	1.850.642.476.273	189.598.025.941	41.004.857.017	19.482.047.342	2.390.668.859.192
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	205.523.357.884	785.716.278.841	114.745.512.614	40.078.601.102	1.399.818.063	1.147.463.568.504
Số dư cuối kỳ	194.464.900.113	696.981.272.359	105.884.487.003	35.370.715.712	1.255.772.080	1.033.957.147.267

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 972.107 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (1/10/2020: 727.763 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 343.834 triệu VND (1/10/2020: 395.303 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	13.389.448.333	9.560.000.000	22.949.448.333
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.389.448.333)	(9.560.000.000)	(22.949.448.333)
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.579.925.881	1.818.341.410	4.398.267.291
Khấu hao trong kỳ	570.040.768	493.975.651	1.064.016.419
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.149.966.649)	(2.312.317.061)	(5.462.283.710)
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.809.522.452	7.741.658.590	18.551.181.042
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<hr/>			



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	200.791.409.765	47.778.337.834	248.569.747.599
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	28.908.454.957	21.672.992.793	50.581.447.750
Khấu hao trong kỳ	1.273.039.849	4.223.264.706	5.496.304.555
Số dư cuối kỳ	30.181.494.806	25.896.257.499	56.077.752.305
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	171.882.954.808	26.105.345.041	197.988.299.849
Số dư cuối kỳ	170.609.914.959	21.882.080.335	192.491.995.294

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (1/10/2020: 456 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 66.892 triệu VND (1/10/2020: 77.916 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

16. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	4.182.556.276	457.602.000
Chi phí xây dựng	1.472.949.719	1.472.949.719
Các công trình khác	18.481.471.961	3.407.860.464
	24.136.977.956	5.338.412.183



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.338.412.183	16.487.785.421
Tăng trong kỳ	20.108.046.222	3.962.560.607
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(682.726.246)	(1.983.604.901)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(626.754.203)	(419.191.448)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	24.136.977.956	18.047.549.679
	<hr/>	<hr/>

17. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 3,7%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành	-	5.000.000.000
	16.000.000.000	21.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2021		1/10/2020			
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	770.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100%	150.000.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái (i)	95%	301.831.857.307	-	95%	114.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (ii)	95%	98.438.760.000	-	95%	32.965.000.000	-
		3.305.270.617.307	-		3.051.965.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (iii)	49%	-	-	49%	-	-
		3.305.270.617.307	-		3.051.965.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại cuộc họp ngày 3 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái, trong đó Công ty nắm giữ 95% quyền sở hữu.
- (ii) Tại cuộc họp ngày 1 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long, trong đó Công ty nắm giữ 95% quyền sở hữu. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất vào ngày 2 tháng 4 năm 2021.
- (iii) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Chi phí thuê	68.772.234.077	57.410.986.820
Công cụ và dụng cụ	12.730.818.112	13.454.533.851
Chi phí quảng cáo	12.533.232.018	24.829.641.795
Chi phí sửa chữa	3.159.546.058	2.738.747.884
Phí bảo hiểm	995.488.627	668.137.829
Chi phí tư vấn	160.000.000	1.889.338.410
Chi phí khác	3.727.134.965	2.301.982.218
	102.078.453.857	103.293.368.807

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	7.956.952.828	9.342.376.906
Chi phí thuê	7.467.126.093	7.538.605.524
Bảng hiệu quảng cáo	4.824.123.880	15.374.300.149
Chi phí sửa chữa	4.294.560.579	6.587.628.785
Chi phí khác	6.729.670.705	9.422.433.406
	31.272.434.085	48.265.344.770

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Số dư đầu kỳ	48.265.344.770	128.815.049.868
Tăng trong kỳ	7.384.048.212	7.465.380.285
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(173.643.592)	(163.628.065)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	626.754.203	419.191.448
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	41.636.364	-
Phân bổ trong kỳ	(24.817.979.921)	(56.380.264.412)
Thanh lý	(53.725.951)	-
Số dư cuối kỳ	31.272.434.085	80.155.729.124

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	30.117.288.158	21.325.730.550
▪ Các khoản dự phòng	20%	10.701.953.746	9.422.978.755
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	10.068.821.298	9.005.492.476
		50.888.063.202	39.754.201.781

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	1.041.750.376.301	59.872.948.917
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	632.420.126.030	296.702.697.996
Cumic Steel Limited	487.342.640.275	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	264.597.911.854	276.882.578.172
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	208.595.524.541	331.558.978.673
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	164.012.150.041	200.540.364.464
Nippon Steel Trading Corporation	-	303.482.841.213
Các nhà cung cấp khác	2.312.119.537.217	554.875.259.387
	<hr/>	<hr/>
	5.110.838.266.259	2.023.915.668.822

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	264.597.911.854	276.882.578.172
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	208.595.524.541	331.558.978.673
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	164.012.150.041	200.540.364.464
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	96.304.676.193	71.677.939.985
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	3.000.000	4.622.401.585
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	29.583.646	1.892.022

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Người mua trả tiền trước

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Aceros Y Overrollings De Mexico S.A. De C.V.	229.800	18.179.700.000
Cascadia Metals Ltd	45.269.687.468	-
Các khách hàng khác	255.271.758.121	170.818.983.777
	<hr/>	<hr/>
	300.541.675.389	188.998.683.777
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cán trừ VND	Phân loại lại VND	31/3/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.604.239.860	3.297.255.234.059	(722.002.535.320)	(2.568.970.217.433)	(924.629.777)	151.962.091.389
Thuế xuất nhập khẩu	456.189.132	675.170.484	(989.669.141)	-	-	141.690.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.905.742.222	146.460.089.736	(132.051.410.259)	-	-	71.314.421.699
Thuế thu nhập cá nhân	2.508.438.278	20.776.321.250	(23.415.803.059)	-	610.132.412	479.088.881
Các loại thuế khác	92.064.660	864.117.129	(953.181.789)	-	(3.000.000)	-
	206.566.674.152	3.466.030.932.658	(879.412.599.568)	(2.568.970.217.433)	(317.497.365)	223.897.292.444

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại lại VND	31/3/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	610.132.412	610.132.412
Các loại thuế khác	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	3.000.000	-	607.132.412	610.132.412

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Chi phí lương và thưởng	98.901.099.799	304.695.782.083
Chi phí vận chuyển	28.602.318.388	115.044.561
Chi phí lãi vay	4.755.120.209	3.926.078.445
Xây dựng cơ bản dở dang	696.000.000	696.000.000
Chi phí tiền điện	35.890.222	27.883.576
Chi phí khác	6.476.122.137	8.482.468.933
	139.466.550.755	317.943.257.598

24. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	54.331.305.000	142.966.821.833
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	718.042.670.559	155.578.117.585
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.982.440.000	9.597.080.065
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.489.235.040	932.699.080
Cổ tức phải trả	4.076.778.825	4.247.322.425
Phải trả khác	14.140.729.208	12.753.497.533
	804.063.158.632	326.075.538.521

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Khu công nghiệp Bình Dương, Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Bến Thành (1/10/2020: cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương) với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	-	26.498.450

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2020		Biến động trong kỳ		31/3/2021	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	5.058.379.476.181	15.157.894.623.261	(16.067.553.420.455)	10.611.043.571	4.159.331.722.558	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	20.000.000.000	5.000.000.000	(25.000.000.000)	-	-	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	5.104.565.664	1.276.141.416	(6.380.707.080)	-	-	
	5.083.484.041.845	15.164.170.764.677	(16.098.934.127.535)	10.611.043.571	4.159.331.722.558	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền VND	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Bên thứ ba				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	192.333.211.891	1.171.017.687.810
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	1.200.138.973.406	531.104.907.733
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	100.000.000.000	947.943.944.130
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	716.838.277.738	413.037.687.997
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	259.372.999.518	472.377.287.783
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	99.439.545.965
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	871.494.746.413	608.438.856.420
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(v)	USD	25.244.400.000	213.385.900.000
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	VND	68.000.000.000	32.300.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	242.122.472.591	101.516.310.719
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	USD	14.116.090.344	57.085.000.000
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	50.111.040.747	42.323.443.406
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	USD	39.747.579.553	46.084.500.000
▪ Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	59.789.000.000	97.147.784.400
▪ Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	135.690.642.871	-
▪ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	(x)	VND	-	50.000.000.000
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	VND	124.320.327.587	19.942.608.592
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	USD	60.011.959.899	155.234.011.226
			4.159.331.722.558	5.058.379.476.181



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			31/3/2021	1/10/2020
Bên thứ ba				
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND	3.000 tỷ VND	4,00% - 4,50%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	2.387 tỷ VND	4,00% - 4,50%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	USD	1.500 tỷ VND	1,30% - 1,50%	Máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	40 triệu USD	2,50% - 3,20%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
v. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	800 tỷ VND	1,90%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	3,20%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	12 triệu USD	3,00% - 4,00%	Hàng tồn kho
viii. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD	4 triệu USD	1,40%	Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 31/3/2021	Lãi suất 1/10/2020	Tài sản đảm bảo
Bên thứ ba					
ix. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	195 tỷ VND	4,00% 2,10%	4,50%	Không có tài sản đảm bảo
x. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	VND	1.000 tỷ VND	-	5,00%	Quyền sử dụng đất và phải thu của khách hàng
xi. Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD	3,20% - 3,50% 1,40% - 1,45%	3,80% - 4,00% 1,80% - 1,85%	Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Vay dài hạn	-	32.094.315.280
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	-	10.027.814.809
	-	42.122.130.089
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(25.104.565.664)
	-	17.017.564.425
	-	17.017.564.425

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2021	1/10/2020
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	2022	-	32.094.315.280
			-	32.094.315.280

Khoản vay này được đảm bảo bằng đảm bảo quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị, hàng tồn kho của Công ty và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, công ty con và chịu lãi suất năm tại ngày 1 tháng 10 năm 2020 là 8,5%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/3/2021		1/10/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	-	-	5.762.851.279	658.285.615
Trong vòng hai đến năm năm	-	-	5.147.734.966	224.485.821
	-	-	10.910.586.245	882.771.436
				10.027.814.809



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	43.062.695.661	44.902.799.431
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	46.120.560.692	3.613.521.330
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.625.679.057)	(1.753.525.100)
Số dư cuối kỳ	85.557.577.296	46.762.795.661

27. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.617.344.666	2.473.036.500
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.211.200.000	325.563.860
Số dư cuối kỳ	12.828.544.666	2.798.600.360

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.539.503.023.643	5.978.948.767.299
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	159.383.778.996	159.383.778.996
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(262.000.000)	-	-	(262.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	(3.613.521.330)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(6.683.556.156)	-	(6.683.556.156)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.721.000.000)	54.363.395.974	1.689.852.999.314	6.127.773.468.809
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	916.201.320.439	916.201.320.439
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	211.557.240.000	-	-	-	(211.557.240.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(550.000.000)	-	-	(550.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(18.827.614.150)	-	(18.827.614.150)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	2.394.497.079.753	7.024.597.175.098

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	2.394.497.079.753	7.024.597.175.098
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	741.806.042.870	741.806.042.870
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	(46.120.560.692)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	40.355.490.606	(40.355.490.606)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(45.672.675.705)	-	(45.672.675.705)
Trích thường hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh (**)	-	-	-	-	(39.134.000.000)	(39.134.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2021	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	30.218.596.725	3.010.693.071.325	7.635.475.981.571

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 3,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và bổ sung quỹ tài trợ, từ thiện (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020: 1,5%).

(**) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị vào ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã quyết định trích 3,4% từ lợi nhuận sau thuế để chi thường hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2019 – 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Ban thuộc Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2021		1/10/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	444.625.213	4.446.252.130.000	444.625.213	4.446.252.130.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	327.100	3.271.000.000	327.100	3.271.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	444.298.113	4.442.981.130.000	444.298.113	4.442.981.130.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	31/3/2021		31/3/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(26.200)	(262.000.000)
Số dư cuối kỳ	444.298.113	4.442.981.130.000	423.197.389	4.231.973.890.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Trong vòng một năm	167.987.427.943	170.013.489.423
Trong vòng hai đến năm năm	654.888.656.377	660.219.684.543
Trên năm năm	462.225.661.817	516.622.301.356
	1.285.101.746.137	1.346.855.475.322

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2021		1/10/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.958.364,62	90.976.590.904	7.357.873	169.929.938.524
EUR	-	-	909	24.288.480
		90.976.590.904		169.954.227.004

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty:

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	73.537.289.651	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	24.389.030.326.570	14.484.261.374.632
▪ Bán thành phẩm	10.128.973.912.147	6.518.016.188.859
▪ Khác	4.046.652.083	11.667.012.856
	34.522.050.890.800	21.013.944.576.347
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	46.387.033.496	2.775.281.113
▪ Hàng bán bị trả lại	8.930.677.661	9.745.727.847
▪ Giảm giá hàng bán	745.600.032	2.738.756.563
	56.063.311.189	15.259.765.523
Doanh thu thuần	34.465.987.579.611	20.998.684.810.824

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	23.338.613.054.523	14.046.761.733.791
▪ Thành phẩm đã bán	9.012.213.081.809	5.582.400.304.044
▪ Khác	825.166.365	6.680.338.290
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	5.734.135.811	(13.190.008.415)
	32.357.385.438.508	19.622.652.367.710

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	73.978.611	2.217.631.254
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	9.324.293.426	6.041.656.273
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.635.541.516	25.682.577.818
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.789.789.027	-
Doanh thu tài chính khác	153.906.569	-
	86.977.509.149	33.941.865.345

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	70.248.310.258	155.669.111.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.414.934.505	47.016.960.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	21.035.611.575
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	14.727.480.716
Chi phí tài chính khác	371.200.117	573.653.831
	140.034.444.880	239.022.817.220

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Chi phí xuất khẩu	536.800.775.552	178.602.805.529
Chi phí nhân viên	202.691.103.724	312.434.554.442
Chi phí thuê	76.121.548.498	78.552.771.868
Chi phí khấu hao và phân bổ	70.758.468.243	71.485.133.302
Chi phí vận chuyển	67.518.797.206	39.573.480.328
Chi phí quảng cáo	37.490.539.267	39.456.258.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.705.521.480	26.552.028.641
Chi phí khác	58.579.398.158	54.226.239.494
	1.075.666.152.128	800.883.271.882

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Chi phí nhân viên	33.453.682.570	73.498.699.167
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.409.633.918	17.387.182.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.471.735.787	17.339.114.449
Chi phí tiếp khách	9.208.887.034	6.805.953.766
Chi phí thuê	8.525.201.569	7.980.446.879
Chi phí dịch vụ chuyên môn	4.709.679.438	3.942.314.864
Chi phí công tác	2.976.648.694	4.339.597.959
Chi phí khác	20.844.234.152	31.919.815.215
	107.599.703.162	163.213.125.187

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	341.772.346	-
Tiền bồi thường thu được	2.803.486.173	1.052.425.268
Các khoản khác	1.814.065.421	10.793.469.925
	4.959.323.940	11.845.895.193

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	-	419.820.602
Các khoản khác	106.402.837	5.658.095.484
	106.402.837	6.077.916.086

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.668.400.883.714	4.981.670.157.473
Chi phí nhân công và nhân viên	274.613.903.938	421.155.162.180
Chi phí khấu hao và phân bổ	151.945.156.441	177.008.011.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.786.644.478	408.851.409.550
Chi phí khác	286.826.245.597	283.572.322.231
	8.668.400.883.714	4.981.670.157.473

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	146.460.089.736	65.947.756.590
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(11.133.861.421)	(12.708.462.309)
	135.326.228.315	53.239.294.281



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	877.132.271.185	212.623.073.277
Thuế theo thuế suất của Công ty	175.426.454.237	42.524.614.655
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.743.932.833	10.714.679.626
Sử dụng thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây	(45.844.158.755)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.326.228.315	53.239.294.281

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	6.782.867.432.698	4.469.702.109.055
Mua hàng hóa và thành phẩm	6.299.619.883.587	4.635.313.374.264
Hàng bán bị trả lại	-	2.238.054.358
Bán khác	-	14.108.830
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.763.239.373.343	1.785.540.412.450
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.596.134.394.915	1.679.869.045.454
Cho thuê tài sản	403.580.644	66.000.000
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	36.614.679	-
Bán khác	-	61.309.896
Thuê tài sản	822.583.070	607.102.010
Mua tài sản cố định	87.770.891	-
Hàng bán bị trả lại	1.270.533.793	1.898.319.657
Trả lại hàng mua	27.864.786	-
Hàng mua được giảm giá	5.181.772	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	6.239.155.813	306.586.966
Mua hàng hóa và thành phẩm	797.313.954.364	716.933.673.881
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.138.124.666.492	2.875.745.299.952
Mua hàng hóa và thành phẩm	4.652.130.808.455	2.489.374.261.877
Bán tài sản cố định	30.000.000	86.129.750
Mua dịch vụ gia công	123.871.015.662	-
Chi phí vận chuyển	6.573.534.703	-
Mua dịch vụ khác	1.647.937.201	-
Thuê tài sản	202.069.884	202.069.884
Giảm giá hàng bán	204.000	-
Trả lại hàng mua	1.788.062.026	1.485.299.380
Hàng mua được giảm giá	34.189.092	77.994.545
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.179.602.429.022	1.565.875.762.479
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.508.873.218.671	1.140.949.736.029
Bán tài sản cố định	494.268.668	-
Cung cấp dịch vụ gia công	27.766.020	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	11.399.500	-
Mua dịch vụ gia công	100.542.571.383	-
Chi phí vận chuyển	1.723.269.749	47.243.658
Mua dịch vụ khác	637.899.367	-
Trả lại hàng mua	403.360.132	846.149.807
Hàng mua được giảm giá	-	3.360.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.311.414.242	1.462.071.903
Mua hàng hóa và thành phẩm	380.323.785.309	215.086.505.958
Cho thuê tài sản	127.200.000	114.000.000
Cung cấp dịch vụ gia công	999.180	-
Thuê tài sản	108.000.000	108.000.000
Mua tài sản	-	280.369.752
Trả lại hàng mua	16.383.167	3.911.300
Hàng mua được giảm giá	3.566.192	8.252.781
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Thu nhập từ tiền lãi	6.133.147.079	4.307.083.842

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	390.517.520.847	328.398.360.134
Mua hàng hóa và thành phẩm	99.853.848.819	78.445.544.554
Thuê tài sản	300.000.000	300.000.000
Hàng mua được giảm giá	-	122.727.272
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn		
Lãi vay	-	1.461.493.151
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long		
Thu nhập từ tiền lãi	1.586.146.347	530.822.431
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Bán thành phẩm và hàng hóa	5.687.012.060	12.314.224
Mua thành phẩm và hàng hóa	247.934.317.503	126.068.957.259
Trả lại hàng mua	8.376.127	-
Hàng mua được giảm giá	3.139.860	-
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	967.316.467.817	781.669.959.360
Mua hàng hóa và thành phẩm	12.281.818	-
Cho thuê tài sản	1.713.375.996	1.435.936.905
Bán tài sản cố định	278.700.000	-
Cung cấp dịch vụ gia công	45.465.962	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.777.318	-
Chi phí vận chuyển	26.788.156.719	21.106.402.003
Chi phí thuê mặt bằng	5.817.436.362	314.053.742
Mua dịch vụ khác	2.727.273	-
Mua dịch vụ gia công	829.091	-
Mua công cụ, dụng cụ	-	4.281.261.820
Chiết khấu thương mại	9.950.862.687	-
Hàng bán bị trả lại	4.396.566.705	2.922.492.120
Giảm giá hàng bán	-	154.727.273
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen		
Chi phí vận chuyển	-	122.571.451
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An		
Chi phí vận chuyển	114.131.449	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	22.794.668.814	6.549.158.313
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Thù lao	22.270.000.000	1.170.000.000

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	795.208.077.723	335.992.976.173
Chuyển đổi khoản cho vay thành khoản đầu tư vào công ty con	241.182.178.499	-
Chuyển đổi khoản phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	10.623.438.808	-

43. Thông tin so sánh


Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 và trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc